TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Lê Văn Phương

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng là Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 408/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1978 nơi cư trú: tổ I, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ D, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 nơi cư trú: tổ I, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

(Bà Á yêu cầu vắng mặt; ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Á trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là L), huyện P (Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 04 tháng 9 năm 2001). Quá trình chung sống thường xuyên cự cãi và xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông H say xỉn, có hành vi bạo lực đánh cha vợ và mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, không lo được cho vợ con nên cuộc sống vợ chồng gặp rất nhiều khó khăn, ly thân từ tháng 11/2017 không

còn chung sống. Bà đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, thoả thuận đưa cho ông H số tiền 40.000.000 đồng và 01 chiếc xe DH (có làm tờ nhận không ghi ngày tháng) với điều kiện ông H đồng ý ly hôn nhưng khi Toà án mời làm việc thì ông H không đồng ý ly hôn, tự ý bỏ về nên bà rút đơn khởi kiện và Toà án đình chỉ, đến nay vẫn không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn. Về con chung có 01 đứa tên Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 02/7/2002 đã thành niên và lao động được, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có. Chị yêu cầu xét xử vắng mặt do phải đi làm ở xa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại buổi hoà giải 23/7/2024 trình bày ý kiến: về mâu thuẫn của ông và bà Á xảy ra nhiều chuyện nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ly thân kéo dài gần 07 năm nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm. Ông H tự ý bỏ ra về không ký tên biên bản.

Tại phiên toà, ông H đồng ý ly hôn, lý giải lý do trước đây không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con cái.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Á được ly hôn với ông H. Về con chung: đã thành niên và lao động được nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, bà Á phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, do con đã thành niên nên không tranh chấp, bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Bà Á, ông H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng bà Á, ông H thường

xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung và không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Bà Á đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng từ đó đến nay vẫn sống ly thân và cương quyết ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân được ông H xác nhận là đúng, tại phiên toà ông H đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của bà Á ông H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* có 01 đứa tên Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 02/7/2002 đã thành niên và lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận bà Á, ông H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh .

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà Á, ông H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007065 ngày 28/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Bà Á vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà